

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOÀNG QUYẾT

QUYỂN 8 (PHẦN 3)

Kể nói trong mười pháp có nêu giải thích kiết. Trong giải thích nói, như người bệnh hủi, tin máu là sữa, cho đến tin xương lạc đà là xá-lợi, cũng như Kinh căn đắc giới, xương dê phát ra ánh sáng, v.v... “chấn” là “chấm”. Nếu tu bốn pháp Tam-muội mà không điều phục được: ở đây có bốn ý nên không bị bệnh nào không khỏi:

- 1- Đạo lực
- 2- Thân che chở.
- 3- Pháp trị
- 4- Không tiếc thân mạng.

Đại sư huynh Trần Hàm; Sư Tạng Pháp ở chùa Khai Thiện, này nêu người tội diệt chướng chuyển.

Trần Hàm tuổi ở mạng quan, ban đầu được tướng sư Trương Quả xem tướng sẽ chết vào cuối tháng âm lịch, sau đó Đại sư sai thực hành sám Phương Đẳng, thấy trên cõi trời có tấm bia đề: Thiên Đường Trần Hàm đến năm sáu mươi lăm, đây là một phen thực hành sám Phương Đẳng tăng thêm tuổi thọ mười lăm năm, sau gặp lại Trương Quả. Trương Quả hỏi do làm phước lực gì? Đây chẳng phải một vài trăm muôn tiền phước, tính ra ông không có nhiều tiền như thế, vậy phải làm phước tiền gì?

Trần Hàm đáp: Có chút hành pháp không nói với ông, nên biết nghiệp phải chết, hành pháp có thể chuyển, như Đế-thích có nêu ví dụ. Tâm tinh tấn mạnh mẽ như Đế-thích, làm đạo tràng riêng như cõi trời Đế-thích, đạo tràng thần biến như phụ tướng, tiểu ngang các lỗi như tiểu quý, nên biết đạo tràng thần biến các bệnh không xâm phạm.

Chủ thành, v.v...: Nhạc sợ, lo sợ, bận rộn. Thành như thân, chủ như tâm, người giữ như thân thần, đồng với thân gọi là cùng thân đồng

sinh, gọi là thiên thần, tự nhiên có nên gọi là thiên, tuy thường hộ người phải nhờ tâm vững chắc, thần giữ thì mạnh, thân thần cũng vậy, ở sau so sánh ở trước. Thân có hai vai, thần thường hộ người, hướng chi là thần đạo tràng. Trong Đại luận nói các quỷ tinh tấn, quyển mười sáu chép: Đức Thích-ca đời trước từng làm Thương chủ, đem các dịch mua hàng vào chỗ hiểm nạn, trong đó có La-sát dùng tay ngăn rằng: Ông đứng đừng nhúc nhích, thương chủ dùng tay phải đánh, đánh liền dính quỷ, tôi kéo không thể lia được, lại dùng tay trái đánh chân phải chân trái, như vậy thứ lớp đều bị dính vào nhau, lại dùng đầu đánh, đầu lại dính vào

Quỷ hỏi: Ông muốn làm việc gì, tâm ngừng dứt chưa?

Thương Chủ đáp: Ty đánh năm chỗ mà tâm còn không dừng, do năng lực tinh tấn đánh nhau với ông, không muốn biếng nhác lui sụt.

Quỷ nghe sinh tâm vui mừng nghĩ rằng người này sức gánh vác rất mạnh, bảo rằng: Ông tinh tấn sẽ không dừng, nay tôi thả ông. Hành giả đối với pháp lành, đầu hôm, nửa đêm, gần sáng, thân tâm không biếng nhác cũng giống như vậy.

Kế nói tu chỉ quán, trong cảnh nghĩ bàn cũng nên có tội thượng trung hạ, trong văn đã có tội địa ngục xong. Nếu do bệnh cho nên siểm cuồng cầu sống tức cõi quỷ, hoặc cầu quyền thuộc toan dưỡng thân bệnh tức cõi súc sinh, tạo ba cõi thiện, trong văn chính là nói thông dung, tuy biết nhân quả mà thường chê bai nghi ngờ người không bệnh, cho rằng tâm thiện của ta mạnh hơn, là cõi Tu-la, tâm thiện không thay đổi đây là cõi người, giữ gìn mười điều lành đây là cõi trời, sợ sệt sinh tử là cõi Thinh văn. Cũng như luận Tỳ-đàm Bà-sa nói: Tỳ-kheo Ta-ma bệnh rất nặng, các Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo Đà-ma đến thăm hỏi. Ta-ma nói: Bệnh tôi không khỏi, cũng như người tráng sĩ lấy hạ liệt, là sợi dây ràng buộc đầu hai tay quán chặt vào nhau, đầu tôi đau cũng giống như vậy.

Lại như người hàng thịt cầm dao mổ bụng trâu, bụng tôi đau cũng giống như vậy, cũng như tráng sĩ lấy một hạ liệt, treo trên lửa, lửa đốt chân kia, chân tôi đau cũng giống như vậy. Đà-mà thưa đủ các việc như trên với các tỳ-kheo, các tỳ-kheo lặp lại các lời nói. Đức Phật nói năm thọ ấm, ông có chút phần quán sát phi ngã phi ngã sở chăng?

Đáp: “Có thể quán”. Sau lại bảo Đà-ma hỏi việc ấy quán được năm ấm có chứng quả A-LA-HÁN hay chăng? Cũng như dạy bảo, quán sát như vậy nên được lậu tận bình phục hết đau.

Lại, trong Tăng Nhất có Tỳ-kheo Quân-đầu bị bệnh, oán trách Đức Như lai không đến thăm, Đức Phật và các Tỳ-kheo đến thăm.

Hỏi rằng: Có bị khổ não làm tổn hay không?

Đức Phật lại hỏi: Ông tu Bảy giác y chẳng?

Tỳ-kheo đáp: Bị bệnh.

Đức Phật nói: Vị thuốc quan trọng nhất trong các vị thuốc không gì hơn Bảy giác chi, khiến Tỳ-kheo thọ trì.

Kế theo lại quán bệnh đây là cõi Duyên giác, văn này khó thấy phải chia làm năm:

1- Ban đầu suy niệm quả biết nhân xưa.

2- Kế suy hiện nhân biết hiện quả.

3- Từ cuồng khát nhân ở sau.

Quán hiện quả, dứt nhân hiện.

4- Tỳ-kheo hay không tùy theo trở xuống, hiện nhân dứt nên nên mười hai chi dứt.

5- Bắt đầu đã không được ở sau, kết thành chi cõi Phật.

Văn kế lại có hai:

Ban đầu quán hữu chi cho đến danh sắc; kế theo quán căn đại này trở xuống là suy hiện danh sắc cho đến thức.

Ban đầu như văn; văn kế lại có hai, trước suy hiện sắc; kế suy ở thức. Văn đầu lại có hai:

Ban đầu suy sắc từ duyên sinh, nên không có tự tánh; kế suy sắc từ tâm sinh nên không có tự tánh. Văn đầu lại có hai:

Ban đầu suy năm hành; kế suy năm tạng. Ban đầu lại có hai; trước ngang kế dọc; kế suy tạng cũng có hai, trước ngang kế dọc, từ như thị trở xuống, kế suy sắc từ tâm sinh nên không có tự tánh, ở trong đó trước ngang kế dọc.

Ban đầu ngang: Là nói do tâm giữ bốn đại nên bốn đại không hai, thức sinh các tâm nên thức như địa, tướng giữ tướng mạo, như gió động chuyển, tánh thọ lãnh nạp như vật lửa bền chắc, hành tâm là làm như nước đi đến.

Kế sau đây là dọc suy bốn tâm xoay vần tướng sinh đều không có tự tánh; kế thức từ ở sau; kế đó suy hiện thức theo đến nghiệp sinh như cuồng khác ở sau, kế suy hiện quả, dứt hiện trong nhân.

Trước dụ cho suy; cũng lại không được bốn chữ dụ cho tức, phía Nam ở sau hợp suy như vậy ở sau hợp tức; kế nếu không tùy theo ở sau nhân tức, đã không được ở sau chung kết mười hai chi diệt nên nói không được, khác với tiệt phá, nên gọi là không được, là thành nghĩa mười cõi, cho nên ba tạng chỉ nêu ra Thịnh văn. Bên Thông giáo chỉ nêu ra Duyên giác. Lại quán ở sau Bồ-tát ba tạng, trước nêu sáu tộ.

Kế nay từ đây về sau nói nguyện hạnh, trong sáu tộ đầu, đầu tiên

là xan, cũng là trì giới ở sau phá giới, cũng là tâm chí ở sau tức giận, cũng là tinh tấn sau đó biếng nhác nói “Bồ nương” là người có tinh tấn, bên trong thì giúp chánh đạo ngoài thì cứu giúp cầu nạn, cũng là không thiên sau đó loạn ý, đã bị bệnh rồi chỉ có duyên mền thân quen ở chánh niệm, nên nói bị động, cũng là trí tuệ kém, sau đó ngu si, chẳng thông suốt khổ không.

Kế trong nguyện hạnh trước nguyện kế hạnh, nguyện là bốn hồng thệ nguyện, hạnh tức sáu độ, bốn chữ đầu là đàn, hai chữ thuận lý là cửa, hai chữ an nhẫn là nhẫn, hai chữ cần gia là tấn, hai chữ chánh ý là thiền, bốn chữ giác ngộ vô thường là trí.

Kế là Bồ-tát Thông giáo, Biệt giáo, như văn rất dễ thấy, trong cõi Bồ-tát đã là ba biệt, do phát tâm trông mong, trí nguyện đều khác, đồng có tâm lợi vật đều gọi là Bồ-tát. Hai giáo Nhị thừa có lý có hợp, một cõi trí khác, nên suy nghĩ rất dễ biết.

Lại ban đầu nêu mười cõi đều gọi là nghĩ bàn, nay này trong giải thích chỉ đến Biệt giáo. Cõi Phật cũng có thể chỉ cho Sơ địa Biệt giáo, do Sơ địa Biệt giáo chứng đạo đồng viên, cũng có thể một giáo chung gọi là Bồ-tát, do đạo Biệt giáo thông thỉ chung, đủ như trong quyển hai đã phân biệt xong.

Kế nói trong không thể nghĩ bàn. Nói thẳng nghe, v.v... Trong kinh quyển ba phẩm Trị Bệnh chép: Phật bảo thân cây Bồ-đề: Ở quá khứ có Đức Phật hiệu là Bảo Thắng, sau khi diệt độ có Trưởng giả tên là Trì Thủy khéo biết phương thuốc cứu các bệnh khổ. Trì Thủy có người con tên là Lưu Thủy, lúc ấy trong nước có thiên tai biến loạn, Lưu Thủy thấy vậy tự nghĩ; Cha ta tuổi già không thể đến thành ấp xóm làng ấy được, lại đến chỗ cha hỏi phương thuốc, do đó biết được tất cả phương thuật, đến khắp thành ấp nói rằng: Ta là thầy thuốc, ta là thầy thuốc, biết rành các phương thuốc trị tất cả bệnh, tất cả mọi người nghe rồi bằng lòng trị bệnh, mãi nghe nói bệnh đều trừ, thí như nghe cảnh mầu được nhập Sơ trụ.

Nói sơ quán, tức sơ quán cảnh không thể nghĩ bàn ở sau lại có dụ cho chín pháp. Trong kinh nói: Lại có vô lượng trăm ngàn chúng sinh, bệnh khổ rất nặng khó lành, đến chỗ Trưởng giả trao cho thuốc hay, cũng được bình phục, nay văn từ nghĩa tức dụ cho quán cảnh vô minh chưa dứt, phát tâm như vậy cho đến lìa ái, nên nói các thứ thuốc, dụng quán như vậy cũng được nhập vị Sơ trụ. Dù chưa nhập vị đắc nhập Ngũ phẩm, danh tiểu trừ khỏi, còn tất cả kế sau nói phát tâm, văn đầu nói chung tướng phát tâm, trước cũng nương thứ lớp ba quán, trong mỗi

pháp quán đều có bốn vấn.

- 1- Ban đầu do hoàng thệ tự điều hòa.
- 2- Kế từ bị hiện sinh.
- 3- Hiện sinh đắc ích.
- 4- Kết tên giáo quán.

Như vậy ở sau kết thành nhất tâm, chỉ có ở sau dẫn người làm chứng, nay y theo bệnh khởi bốn hoàng thệ nguyện, tức đồng với ngài Tịnh Danh trụ Thường Tịch Quang, mà hiện hóa trong ba cõi, nên biết Bồ-tát pháp thân tất cả đều như vậy, chỉ có ngài Văn-thù, v.v... ngài Tịnh Danh đã nương hóa không thể nghĩ bàn, nếu chẳng phải đạo lực của ngài Văn-thù kém ngài Tịnh Danh thì làm sao có thể hợp cơ, nương ý chỉ hồi bệnh, trước truyền ý chỉ vô lượng của Đức Như lai.

Kế tự lập khởi ba lần hỏi.

Đáp: Ở sau cư sĩ đáp; ban đầu đáp nhân bệnh khởi, chúng sinh bệnh nên ở sau đáp bệnh lâu, chúng sinh khởi bệnh ở sau đáp phải làm sao diệt. Khi Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề, gọi là đại bi, phải biết bệnh này cùng phát tâm đồng có, chúng sinh từ vô thủy bị bệnh nhân quả, Bồ-tát cũng nghĩ bệnh từ vô thủy, cho nên Bồ-tát tự niệm niệm tha, nên biết bệnh này cùng phát tâm đồng khởi, Bồ-tát duyên khắp tất cả chúng sinh, các chúng sinh đều bị bệnh, nên tất cả chúng sinh bệnh thì Bồ-tát cũng bệnh, bệnh chúng sinh lành, bệnh Bồ-tát cũng lành. Nói về chúng sinh ở sau, tức do sở hóa hiện ở năng hóa, phương trượng, v.v...: Là đều nương xưa y bệnh mà khởi thệ nguyện, nên thành đạo rồi có thắng năng này. Nói thành tranh đầu lưng; Thanh tranh đều là đều là thành nhà, vũ tên đủ như trong quyển một có giải thích.

Nói đầu lưng, như trước do bệnh mà nói trong năng lực có dẫn, theo kinh Hưng Khởi Hạnh, Phật bảo ngài Xá-lợi-phất, thuở xưa lâu xa ở đại thành La-duyệt, trong nước có ngày lễ hội, Quốc vương có hai lực sĩ:

- 1- Dòng Sát-đế-lợi
- 2- Dòng Bà-la-môn

Đều đến chỗ hội tự đánh nhau, Bà-la-môn bảo Sát-đế-lợi rằng: Khanh đừng đánh ta, ta sẽ cho tiền báu, Sát-đế-lợi không đánh hết sức, để Bà-la-môn khuất phục được, cả hai người đều được vua ban thưởng, Bà-la-môn rất cuộc không giữ lời hứa, đến sau ngày hội đánh nhau, Bà-la-môn lại cầu xin như trước, Sát-lợi lại hiểu cũng không phục, như vậy đến ba lần, Sát-lợi nghĩ: Bà-la-môn thường lừa dối ta, lại bảo Bà-la-môn: Ông ba lần dối gạt tôi, tôi không dùng vật, lại dùng tay phải

đánh đầu, tay trái đánh lưng, chân quì lưng gãy như cây mía gãy, đánh ba vòng khiến mọi người thấy, rồi sau đánh đất, ngã xuống đất chết ngay. Vua rất vui mừng và ban mười muôn đồng. Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: Lực sĩ Sát-lợi chính là ta, Bà-la-môn là Điều-đạt, ta do sân nên đánh giết lực sĩ, do nầy đọa vào ngục thiêu đốt, hình phạt trị tội trải qua mấy ngàn năm, nay tuy thành Phật mà do nhân duyên còn sót lại nên bị bệnh đau lưng. Đây là nói theo tinh dùng pháp môn lịnh, để lợi ích cho người.

Trong Đại kinh nói: Nay thân nầy của ta tức là pháp thân, vì độ chúng sinh chỉ bày đồng cây độc, do bệnh lợi vật tức là ý nầy.

Thệ Nguyễn nói rõ sơ tâm thệ rộng, hậu tâm mới xứng, tức thể của thệ. Từ bi ở sau nói công năng của thệ, nói pháp hỷ, v.v... đây là Chương Cự nói bổn thứ nhất rằng: Thiền sư Như Hỷ, Đại sư Thiên Thai phát tâm chân thật tùy niệm liền trừ, nếu nói tâm khác nhau thì không chân thật, nầy lại tu sửa văn chân thành, là ở sau được mất.

Thiền sư Hỷ, ban đầu từ Quang Châu cùng bảy người như Pháp Hỷ, v.v... đồng đến Kiến Nghiệp, tức người ấy. Hỷ Sư lớn tuổi hơn Nhĩ Thuận. Đại sư lúc bấy giờ mới hai mươi bảy. Mao Hy đùa rằng: Sao Tôn Sư trẻ, mà đệ tử lại già?

Hỷ Sư nói: Cung kính ở đức, không ở tuổi.

Mao Hy hỏi: Thế nào là đức?

Hỷ Sư nói: Khéo nói pháp tức Phú-lâu-na đời sau, hàng ma trừ chướng tức Ưu-ba-cúc-đa đời sau.

Mao Hỷ khéo biết người ấy, triều đình và dân chúng cho là lời chân thật, có lần thật hành Phương Đẳng chim Trĩ đến đòi mạng, Thần vương ngăn rằng: Pháp Hỷ phải đến phương Tây kế đó sinh đắc đạo, há đên mạng cho ông, sau ở Kiến Nghiệp đều thấy thiên hạ cùng biết, nếu phát tâm ở sau phán xét được mất, nói không chân thật, cốt yếu là ba thứ báu, v.v... nầy. Yếu nghĩa là yếu lạc, vừa ngăn vừa ước lược, tự mình không chuyên chí. Trong Yếu Phật Gia Trì chép: nếu Phật không giaa tâm đại bi làm sao tồn tại, cho nên thông thường nói vua phải là Vô thượng.

Nói quy là hoặc cầu quả gần hoặc cầu mau khởi, có hai lỗi nầy gọi là lừa dối chúng sinh, nếu chân thành thì trái lại hai lỗi trước còn có đến lực Sơ trụ, cho đến cực quả đầu chỉ trừ bệnh mà thôi.

Kế trong an tâm nói: Thể giải, v.v... hễ muốn an tâm, thì trước biểu cảnh; kế khởi hoằng thệ, nên nay an tâm trước lập lại hai pháp. Thể giải: Là biết canh; phát tâm là khởi thệ. Duy chỉ duy quán là duy

tịch duy chiếu, không còn cầu gì khác; kế là khéo léo dùng năm trăm mười hai lần. Nói thuốc hay, nghi trị thứ nhất là bao gồm vô duyên từ bi, này gọi là thuốc hay không cần phải lo lắng đối chuyển bao gồm đầy đủ.

Kế phá pháp khắp, từ ban đầu đến này bệnh suy bệnh do tâm, từ nay quán chánh nói dụng quán, ở trong từ đầu đến như huyễn, phá nhân thành, không được bệnh tâm sinh diệt là phá nối tiếp còn đối đãi nhau và giả trung các văn ấy đều được. Ban đầu nhân thành trung phi địa đại không lia địa đại, bệnh do tâm tạo nên phi địa đại, bệnh thật bệnh thân nên không lia địa đại, nêu địa là đầu tiên còn cũng giống như vậy, bốn đại không bệnh nên không có thân hợp, tâm đã như huyễn, huyễn vốn không bệnh, thông bát như văn.

Kế trong Đạo Phẩm chép: Chẳng phải các ý bốn đại, cũng đồng với trước, nói phi tịnh, v.v... là nói theo phá đảo, có chân, v.v... là nói theo đế cảnh, tức văn trước nói, bệnh của chúng sinh tôi đều chẳng phải chân, chẳng phải có, cũng là quán bệnh dùng làm Trung đạo cùng ở trong đây mà nói, không giải, v.v... là nói theo quán trí, khô tươi, v.v... là nói về tiêu biểu mà nói, đủ như văn trước nghĩa bao gồm đại tiểu, khô tươi đều lập, chỉ là một niệm viên Bốn niệm xứ, trong trợ đạo nói nếu tu chánh quán tức là chánh hạnh. Chánh hạnh tức là đạo phẩm, v.v... có sáu, nhưng quán sáu chướng trước nếu không trừ, phải là trước kia chỉ quán khí tức tướng thuật sáu trị, lấy đó làm trợ, chánh trợ hợp hạnh có đủ như trong quyển bảy, còn nhập Sơ trụ được Vô sinh nhẫn, hưởng là bệnh bốn đại mà không tiêu khỏi.

Giải thích trong vị kế như lưu ly ấy, v.v... nước trong nên thấy sâu, vì thế chưa được, tuy quán tức đây là chưa nhập vị, nên nói theo sáu tức thì đầu cuối không khỏi các tai nạn, tức ba tiểu tai, nghĩa là đao bịnh, ôn dịch, đói khát, hoặc ba đại tai là hỏa tai, thủy tai và phong tai, sáu căn tuy tịnh thật quả trói thân, ở cõi cõi dục, cõi sắc hoặc gặp ba tiểu tai, dù gặp mặt kiếp pháp nhĩ lia tai, nếu nhập vô sinh như Đàm-vô-kiệt còn có quả thân gọi là quả bệnh, nay ta không chứng các vị như trên, đâu được tự cho là bằng thượng nhân ấy.

Kế là đại xa thí như văn; kế nói nghiệp cảnh, trước nói trong ý rằng: Nay tu chỉ quán, chỉ quán như ánh sáng mặt trời, nghiệp tướng như muôn tượng, người nghi nói phân biệt ở sau.

Ban đầu dẫn hai kinh, để chứng minh đại tiểu đều có tướng, kế dẫn trong Pháp Hoa, do đạt sâu nên thấy tướng mười cõi.

Kế dẫn ngài Tịnh Danh, do nghĩa bậc nhất khéo phân biệt nghiệp,

bốn kinh nói văn đại tiểu hữu tướng, vì sao nghi nói Đại thừa vô tướng; kế khai chương giải thích riêng.

Ban đầu trong nhân duyên trước chỉ bày nhân duyên trong ngoài, trong nội nhân duyên nói tâm lần lần sáng sạch cũng có thể nói sáng tịnh, sáng sạch nói thông suốt chỉ quán, nếu nói sáng tịnh thì dùng hai chữ biệt đối chỉ quán, do chỉ quán nên thiện ác có sinh diệt, do hai đời thiện ác, ác có nặng nhẹ, thiện có tà chánh, và tu chỉ quán động nghiệp quá khứ, lại do chỉ quán thiện ác sinh diệt, chỉ là do ở Chỉ Quán thấy tướng sinh diệt chẳng phải cho rằng: Chỉ Quán khiến thiện ác sinh diệt nên nêu dụ cho rằng: Như gương được mài, v.v... lý tánh như gương bóng tối tan như trần. Chỉ quán như mài, nghiệp như bóng tượng hiện.

Kế nói duyên ngoài: Chư Phật, Bồ-tát nói mình là ngoài trong văn chỉ bày tướng tuy tức trong ngoài hai duyên đều nói, theo lý thì phải trong ngoài hòa hợp, văn nói riêng, từ mạnh mà đặt tên, như quyển một trong cảm ứng cũng có các thuyết nhân duyên, ở đây cũng như vậy, tu quán là hiển cơ. Chư Phật là hiển ứng, vừa được là vừa minh vừa hiển cơ, vừa minh vừa hiển ứng, cũng có không tu mà cảm, tu mà không cảm, không tu không cảm để phán xét cơ ứng minh hiển bốn câu. Chúng sinh, v.v... có bốn món rõ cơ có thể khiến Chư Phật không khởi diệt định, chỉ bày tướng thiện ác, thiên lực có thể chỉ bày gọi là thiện thiện ác, chỉ bày tướng hiển rõ như hoa chỉ bày cho người. Nếu được, v.v... là nói tướng thức đã tự ích, ích tha, nay chỉ, v.v... là nói lý do lập cảnh.

Kế chánh nói nghiệp tướng phát trong đó nói có sáu ý, là thứ nhất thứ hai phát riêng tập nhân báo quả, thứ ba thứ tư nhân quả xen nhau phát, thứ năm đều phát, thứ sáu xen lẫn, tóm lại thì chỉ là tập nhân báo quả pháp tướng, sáu món này phát thông đầu tiên ở sau hai tướng thiện ác. Đến sau giải thích văn chỉ nói hai tướng, còn chỉ lược chỉ văn này mà nói trước sau đều xen lẫn nên dùng ý mà biết. Văn đầu trước giải thích tập nhân tập quả; kế giải thích báo nhân báo quả, tập quả báo nhân văn thì không lập hai nghĩa nên cũng phải giải thích:

- 1- Tương đối nên giải thích.
- 2- Hoặc xen đặt tên.

Cho nên trong văn dẫn luận giải thích chung. Nói tập nhân là tự phân thân, v.v... trong luận Tân kinh gọi là nhân đồng thứ, nên trong Câu-xá nói, có thể tạo tác và có chung, đồng loài cùng tương ứng biến hành và khác thực thừa nhận nhận chỉ có sáu món, nay lại y theo Đại luận lược nêu ra tướng sáu nhân.

Kế bỏ bớt văn nay, luận ba mươi hai nói: Nói sáu nhân là sở tác

nhân cộng nhân, tự chủng nhân, biến nhân, nhân tương ứng và báo nhân.

Nói bốn duyên; là nhân duyên, thứ lớp duyên, duyên duyên, duyên tăng thượng, tân dịch duyên thứ đệ gọi là Đẳng vô gián duyên, duyên duyên gọi là sở duyên duyên, còn hai tên đồng. Nhưng ngài Long Thọ đặt tên ngài La-thập phiên dịch, tuy tiểu khác nhau nên chẳng phải hoàn toàn sai, vì trong Đại luận là một nhà thường dùng, danh tự hơi giống nên lại nương. Trong Đại Phẩm nói: Muốn biết bốn duyên, phải học Bát-nhã, trong Đại luận giải thích rằng: bốn duyên trong Bát-nhã đều không thật có, vì sao nói muốn biết bốn duyên phải học Bát-nhã?

Đáp: Ông không biết tướng Bát-nhã cho nên nói Bát-nhã không có bốn duyên, Bát-nhã đối với tất cả pháp không xả, rốt ráo thanh tịnh không có các nói suông, như Phật đã nói bốn duyên, nhưng nói thiếu phần, người không có trí chấp bốn duyên mà sinh hý luận, vì phá chấp nên nói thật tướng, các pháp là không vô sở hữu, phá các tâm này như mộng như huyễn, nên biết bốn duyên chẳng phải rất sâu, các pháp thiếu phần Bát-nhã, cho nên tuy nói nên biết lia chấp. Thế nào là chấp, nghĩa là rốt ráo đầy thời danh chấp, nay vì nói sự độ sự che tướng phát thiện ác, là thuộc bốn nhân trong sáu nhân trong bốn duyên, có nhiều ít khác nhau, cho nên nói lược bốn nhân cho đến sáu nhân, như ở sau tu quán nên quán nhân duyên tức là pháp giới, muốn biết bốn duyên trước nói sáu nhân, nhân sở tác là không ngãi đối với tha. Nhân tương ứng là pháp tâm, tâm sở, đồng tướng đồng duyên, do tâm, tâm pháp tương ứng nhau, gọi là nhân tương ứng, pháp tâm, tâm sở dùng tâm tương ứng làm nhân, gọi là nhân tương ứng, như thân hữu tri thức hòa hợp thành sự. Cộng nhân, tất cả pháp hữu vi đều cộng sinh nhân, do cộng sinh cho nên lại giúp nhau, như anh em đồng sinh thành tựu giúp đỡ lẫn nhau. Tự chủng nhân, là pháp thiện quá khứ làm nhân với pháp thiện hiện tại, pháp thiện hiện tại làm nhân với pháp thiện vị lai, pháp ác vô ký cũng giống như vậy, tất cả mỗi pháp đều có tự chủng nhân. Biến nhân là khổ tập để ở sau mười một biến, gọi là biến nhân. Báo nhân là làm nhân thiện ác được báo thiện ác, gọi là báo nhân.

Nói bốn duyên là như năm nhân trên gọi là nhân duyên, pháp tâm, tâm sở thứ lớp vô gián tương trụ mà khởi gọi là duyên thứ đệ, pháp tâm, tâm sở nương gá duyên sinh, gọi là duyên duyên, khi các pháp sinh không sinh chướng ngại, gọi là duyên tăng thượng. Lại nữa, pháp tâm, tâm sở từ bốn duyên sinh, vô tướng diệt định từ ba duyên sinh, trừ duyên duyên, còn các tâm số bất tương ứng hành và từ hai duyên sinh,

trừ duyên thứ đệ và duyên duyên, còn pháp hữu vi liệt không có từ một duyên sinh, báo sinh pháp tâm, tâm sở từ năm nhân sinh, trừ biến nhân, vô lậu pháp tâm, tâm sở từ ba nhân sinh, nghĩa là tương ưng cộng và vô chướng ngại, trong thành luận chỉ hợp ba nhân bốn duyên, đủ như trong Huyền Thích Tiêm thứ mười có ghi, nay nghiệp tướng phát thuộc hai nhân tập, báo.

Tập nhân là tự chủng nhân, văn bao gồm giải thích ở tập quả báo nhân nhân đời trước niệm thiện ác trước, nên đời sau niệm thiện ác sau được khởi đều gọi là tập nhân, đã pháp tâm, tâm sở cộng tướng nhân y cũng được gọi là nhân tương ưng, vì không chướng ngại nên cũng được gọi là nhân sở tác, đều có trợ tác nên cũng gọi là cộng nhân, nếu tế tướng khởi cũng gọi là biến nhân, do tập do đây chưa thể chiêu vởi quả báo, nên không gọi là báo nhân.

Nói báo quả, cũng chỉ có bốn nhân, sở tác tự chủng, cộng nhân, báo nhân, ngay quả tướng hiện nên nói báo quả, y cứ lý thật là báo nhân mà thôi, không cùng nhiệm pháp của năm bộ làm nhân chung, chẳng phải nhân biến hành, chẳng phải tâm, tâm sở không nhân tương ưng. Nếu dùng nhân tập so sánh trong bốn duyên được nhân duyên này có ba không nương gá duyên mà khởi, không có duyên sở duyên. Khi tập nhân khởi cũng có nghĩa tăng thượng và có vô gián nối tiếp, cũng gọi là thứ đệ, quả báo chỉ ở nhân duyên tăng thượng. Luận về nghĩa nhân duyên căn bản của Phật pháp là bỏ tà theo chánh, nguồn gốc nhập đạo tu quán, nên tập Phật pháp, không thể hoàn toàn mê, nay vì phán xét nghiệp tướng chưa có nói rộng, cũng là tu quán nói rộng chẳng phải gấp nên y theo Đại luận lược được ra danh tướng, văn từ đâu ở sau giải thích trước.

Kế nói phát tướng; ban đầu trước nói tập nhân tập quả, ở giữa trước chánh giải thích; kế phán xét ba tánh, nói tập quả là y quả, y theo tập nhân mà có tập quả, tức quả đẳng lưu, do y cứ theo sát-na giải thích tập quả, nên y theo niệm trước niệm sau để nói rõ; kế từ nghĩa này trở xuống phán xét ba tánh, từ sát-na mà nói, hoặc đầu cuối mà nói, tức quả vô lậu không chung ba tánh; kế theo luận gia ở sau giải thích tập nhân, tập quả không thông ba tánh; Kế nói bào nhân báo quả đã hợp tập nhân, tập quả, dùng làm báo nhân, phải biết tên tuy có bốn mà chỉ thành ba nghĩa, chỉ dùng hai tập mong ở hai báo, lại đặt tên nhân; kế y cứ nay ở sau luận gia lại giải thích tập nhân tập quả, cách đời phát khởi đồng thứ tập quả, do hai tập này về sau gọi là nhân nói danh quả trước, này thời trên nhân quả lại lập nhân quả, mong nhân trước cùng quả đều gọi

là quả, nói ở sau thì nhân và quả, đều gọi là Nhân, này cũng là hữu lậu cho nên y theo ba đời, đây và Tỳ-đàm có hai cách giải thích khác nhau, luận ấy có hai cách giải thích đều không nói về ba đời.

Kế số gia ở sau lại nói số gia và luận, phán xét báo quả tập quả ít khác, tuy phán xét thuộc về dâm nhiều khác nhau, nhưng giải thích nghĩa cũng không sai biệt với luận gia, thường y luận Tỳ-đàm theo trước mà giải thích. Lại đời nay ở sau luận gia lặp lại giải thích hơi khác cách giải thích trước, hai nhân hai quả đều cách đời, y theo luận thành nghiệp, chưa thành nghiệp, v.v... do phán xét tập nhân báo nhân, y theo cách đời lặp lại khởi dùng làm tập quả, đền đáp báo đời trước gọi là báo quả, bốn tên này có bốn nghĩa, khác nhau cách giải thích trước chỉ thành ba nghĩa, hoặc từ ngời thiên kế sau nói tướng hiện.

Ban đầu nói báo quả trong tướng hiện nói xen đặt tên, khi tướng này khởi thì gọi là quả tướng, do báo nhân xưa nên có chiêu cảm quả báo, gọi là báo quả, cũng được gọi là nhân, chưa đền đáp nhân, nên lại có thể ở sau nói khi tướng quả báo này hiện, tức là nhân năng khởi, do đây quyết định chiêu với lấy quả đương lai, cho nên tướng này cũng được gọi là báo nhân, nay chỉ ở sau phán xét tướng, hậu báo quả tướng sẽ ở hiện tại cho nên gọi là báo quả tướng hiện, gọi là xen thọ đặt tên.

Kế nếu ngời ở sau nói tập nhân phát tướng ở trong đó cũng nói xen thọ tên, vì hý luận này khi tâm tập khởi gọi là tập nhân, có thể dẫn dắt ở sau có thể làm sau đó thành tựu tập quả, cũng được gọi là tập quả, nói tập nhân khi tâm khởi, do xưa có khởi nên nói đền đáp xưa, thì gọi tướng này cũng được gọi quả, gọi là xen nhau thọ tên, nên biết tập nhân quả báo trong đây đều y cứ về ta hiện gọi là xen thọ tên, nếu như Tỳ-đàm, tập quả đương lai mong bào làm nhân, và cách đời tập quả mong sau làm nhân, tuy cũng gọi là xen thọ tên ấy, nhưng nghĩa ý thì khác với tướng hiện nay, hoặc đem ý này để phán xét tế độ, thiện ác tuy khác tướng ấy rất dễ thấy, từ thiện tướng chúng nhiều ở sau phân biệt nói phát tướng.

Ban đầu trong Sáu độ trước nói tướng bố thí, các tướng khác nhau, tùy theo thấy một thứ, tức tiêu biểu cho báo tướng, trong ấy tuy có thấy người mà không thấy vật, hoặc có thấy vật mà không thấy người, v.v... nhưng khiến cho thấy tướng và tập nhân khác nhau tức gọi là báo tướng, năm độ sau y theo đây nên biết.

Kế đều không thấy ở sau nói tập nhân phát trong ấy, mãi như vậy khởi tâm gọi là Tập, tiêu biểu quá khứ tiêu biểu hiện tại, tướng ấy không khác năm độ sau cũng y theo đây nên biết.

Nói pháp môn: Là hai đời quá khứ hiện tại, hoặc phân biệt riêng pháp môn bố thí, hoặc khi muốn thì trước phải phân biệt các tâm tà chánh thiên viên, cho nên tâm này hiện chung gọi là Tập nhân, độ này đã như vậy các vấn đề nêu bày như.

Kế trong giới tướng nói Thập sư, lại nương một pháp Trung quốc mà nói, là nói quần áo, trên gọi là áo, dưới gọi là xiêm, nên phục sức của người xưa như Đạo sĩ không có áo choàng này, đến thời Ngụy, Đạo sĩ mới bắt đầu thêm áo choàng ngang, nay người xuất gia cũng dùng ca sa Niết-bàn tăng để ví dụ áo xiêm. Bốn thứ nhất nói, một người Trần Lưu ngồi thiền phát tập bỗng nhiên giảng luật, các tướng nhân thiên lược nên biết. Trong trí tướng nói cảnh Bồ-tát, nói chung thông thủ Bồ-tát ba giáo, nếu nói về hiện tướng phần nhiều ở sự, Bồ-tát ba tạng cũng có trí vô thường phục hoặc, cho đến Biệt giáo trụ tiền mong lý, cũng được gọi là sự, nếu trí Nhị thừa thông thủ cũng nên nương vào văn Bát-nhã. Sáu độ biệt luận duy ở Đại thừa, tuy này phân biệt Thông giáo, Biệt giáo bỏ lấy tướng định ấy quyết định thuộc về trong cảnh Nhị thừa Bồ-tát, cho nên chỉ ở hậu cảnh, tập báo sáu độ ở sau khuyên răn. Quyển năm ở trước, đã khuyên rằng: Cẩn thận siêng năng chú trọng, nhưng tìm rõ sáu ý chẳng việc nào không rõ, các sư ở các phương ở sau kế nói phán xét phải bồi thường trong cái khác nhau. Chữ “thác” là nên làm, là câu vật tiếng ở trong Tam bảo, mượn vật chưa trả lại, (tức được người khác trả lại). Nếu viết chữ “Thải”, thì trước có mượn cho họ (tức thay người khác trả lại) chẳng phải ý trong đây, Tiểu thừa chấp quả còn thừa nhận không đền trả, huống chi nay bốn Đại thừa làm lên tha, gần thì trong mong đến cực quả, rộng năng ích cúng dường ba bảo. Nên biết hai thừa Đại Tiểu chánh vì nhập đạo đều chưa đền trả, xưa mắc nợ tuy như vậy rốt cuộc không có mới tạo, chữ “để” cũng có thể làm chữ “để”, để là chống cự.

Kế nói hiện tướng sáu tế, trong san nói là mỗi một, cấu là xỉ nhục (thừa nhận tay chạm nhau khi chạm trái ba lần).

Kế nói trong phá giới chỉ nêu tướng tánh giới của bảy chi, giá giới chẳng phải một lược đưa một giới rượu, nêu bày chung các già, sân cho nên liền giết, tham cho nên dâm, hai giới này và trộm đến miệng có bốn lỗi, tức bảy chi, nếu miệng có bốn lỗi thì đồng một nói đối, tức năm giới.

Lại nữa, trong tâm ở sau lược nêu tướng bốn phần tập nhân, còn bao nhiêu lược không nói đến, kế phân biệt.

Ban đầu y cứ lược về chướng không chướng trong phân biệt, trước

nêu bày bốn câu.

Kế giải thích; sau nữa phán xét; ban đầu y theo sự sinh diệt để phán xét; kế y theo ba đế trong đó nói ban đầu thiện, gồm y theo hữu lậu cho đến ba đế, nên gọi hữu lậu là sơ thiện; kế y theo tác, vô tác nói tánh và vô tác, tập nhân đã dùng nội tâm suy nghiệm, chỉ y tâm phán xét thiện ác để, báo quả tướng ở trong thiền tâm, bỗng hiện cảnh ngoài do ở tâm, cho nên khó phán xét hoặc thiện báo tướng ở sau chánh phán xét, nay do tánh thiện ác, lúc nhân ắt quả giúp nhau mà khởi, nên sau tướng hiện cũng phải giúp nhau. Nếu vô tác thiện ác một phen phát về sau chưa xả lỗi, nhậm vận thường có, cho nên nay tướng hiện không nhờ nội tâm, ở đây lại y cứ phát được hình dáng đều là vô tác, nếu tác đều vô tác cũng nhờ nội tâm dùng khi làm việc, ắt phải là ở tâm, cho nên nếu có ngoại tướng lại có nội tâm, hoặc là lúc nhân làm đều vô tác, đã thành vô tác, lúc sau trái giáo và trái bổn, gọi là trái vô tác, cho nên vô tác ở sau lại dùng mười pháp ba tướng đến suy nghiệm. Lại nữa các ác ở sau lại y cứ ba thời để phán xét tánh thiện sinh ác diệt, vẫn nói ban đầu sân sau hỷ thời tướng ác diệt, lấy này nêu bày trước hỷ sau sân, tức tướng thiện diệt, trước sau đều sân tức tướng ác sinh, trước sau đều hỷ tức tướng thiện sinh. “Gián” viết chữ rằng: Dùng đạo dạy bảo người gọi là “gián” “gián” có năm: Nghĩa là thuận tụng cảm dỗ sa đọa, trong đây là tụng khuyên can.

Phạm phát tâm ở sau y cứ giải hạnh để phân biệt, nếu tự chánh chánh tha ở sau y cứ sự chứng minh để phân biệt, vì người khác phán xét tướng thật không dễ dàng, nên phải tự chứng mới nêu bày lời nói được. Cái gọi là chứng, chẳng phải cho là nhập vị, chỉ là từng cảm lấy tự để chứng cho người, hoặc hoàn toàn chưa cảm mất không có họ sự, nên dùng văn này và trong thiền môn suy nghiệm tướng thiện ác và miêng quyết của Đại sư so sánh thêm để sơ lược để biết, nếu không như vậy, thì chỉ dùng quán không thể nghĩ bàn mà quán xét, khiến thành cảnh không thể nghĩ bàn, tất cả các chướng không bằng là sao? tức như văn trước mà quán hiểu, trong văn sử dĩ răn dè là e người học đời sau tự không cố gắng thực hành nương tựa theo kiểu cạn, luống chiếm ngôi vị họ sự, phán đoán rộng, trái lại tự mình làm chìm đắm sự lợi ích người khác, không có bao nhiêu, nếu cận sự thị lý phải bàn luận hỏi nghi, nhưng phải khéo dụng sức quán chống cự. “Thị” là họ tộc, người xưa từ chữ sư mà làm dòng họ, cho nên từ xưa gọi là “sư thị”, tự an công đến nay đồng gọi là thích chủng.

Hỏi: Ở sau phân biệt hiện tướng nghi, trong lời hỏi vốn hỏi các

tướng hiện nghiệp ác.

Trong lời đáp không đâu chẳng hỏi tướng hiện. Cho nên văn đầu chỉ nói thật. Phàm đạo tràng thần bảo hộ oán trách, như quân ngu hầu. Nhưng nghiệp là thật trách chẳng phải thần ngăn ngừa. Nói phòng, là ngăn nhiều loạn. Nói “ngu hầu” là vị quan trong quân đi tuần tra hầu hạ, “ngu” là trợ giúp, là chuyên, là đầy đủ, hầu là tư, cũng nói là vị quan, cũng nói là vị quan coi giữ núi sông, việc coi giữ núi sông chẳng phải thường, dò xét cũng là hầu, cũng là trông coi.

Lại nữa các nghiệp ở sau giải thích thiếu sơ lược cho nên nghi, nói hai nhà ấy làm thiếu lẫn nhau, trong luận Tỳ-đàm thiếu pháp quán, trong luận thiếu nghiệp tướng, nay nói lược nghiệp, tướng đủ nói rõ tà chánh, khắp nói pháp quán nhập môn sâu xa, tự hành nhập đạo trở thành hữu dư. Nếu mong hai nhà tuy nói chưa đủ, hai luận chỉ nói khắp pháp tướng mà thôi, y theo pháp thành quán luận ấy sơ lược.

Kế chánh nói trong tu quán; ban đầu văn nghĩ bàn sáu cõi, lược nêu mà thôi, kế chung kết, nói các nghiệp như vậy với lấy sắc tâm, các nghiệp thiện ác không ngoài giới nội phân đoạn sinh tử, nên nói sắc tâm, sắc tâm cũng thuộc mười cõi thiện ác, đâu chỉ có sáu cõi, nay lại nêu có sáu, đủ như cảnh ấm nhập, ban đầu nêu ra kinh luận; kế Thịnh văn quán nghiệp cùng tận, Duyên giác quán nghiệp là hạnh, đều không nói vô thường cũng huyễn hóa, ý chung cho hai giáo Thanh văn, v.v... Thông giáo không Bồ-tát là chung Ba thừa. Lại trong văn không nêu Bồ-tát ba tạng, trước đã phát so lường nghĩa tương đương với Bồ-tát ba tạng.

Kế nói cảnh không thể nghĩ bàn; ban đầu lặp lại so sánh quyết định, nêu ra trong Pháp Hoa chiếu khắp mười phương, v.v... văn sau đã nói hai báo y chánh, mười phương đây là đủ hai ý, nếu thực hành chánh báo tức dùng mười phương tiêu biểu cho mười cõi, tuy nói trăm cõi ngàn pháp, v.v... không ra ngoài mười cõi, nếu thực hành ý báo, ba ngàn thế gian cũng không ngoài mười phương, năng chiếu tức là quán không thể nghĩ bàn, sở chiếu tức là cảnh không thể nghĩ bàn, mười cõi y chánh hai ý đầy đủ nên rất sâu xa.

Kế chánh nói chặng giữa trước nêu cảnh; kế là dẫn chứng.

Hỏi: Trong chứng cứ đã dẫn trong Hoa Nghiêm, là đồng với Biệt giáo trong kinh trước dẫn, nay thành Viên giáo vì sao nói khác?

Đáp: Trước nói Biệt giáo chỉ nói địa là năng sinh, năng sở khác nhau nên thành nghĩa biệt, nay nói Viên giáo thể địa sinh tánh tất cả đầy đủ, hướng chi lại bền chắc đều là đất cứng, năng sinh sở sinh không

đâu chẳng phải pháp giới, đã đạt sâu nghiệp rồi sau đó phát tâm, là vì đối nghiệp, ở sau mỗi văn đều y cứ về thiện ác, trước cũng nương tựa ba tướng ba đế, kế đó mới gồm lược nhất tâm ba đế, mỗi pháp đều nói chẳng phải trái chẳng phải thuận, phải biết đều nương thứ lớp mà nói điều không thứ lớp; kế trong an tâm từ nghiệp không trở đi, cũng nương thứ lớp để nói không thứ lớp, trong mỗi đế đều nói thiện thuận ác tức là thiện thuận, tức quán ác tức tức chỉ, kế phá khắp chẳng giữa trước dẫn ra hai luận, tuy lại đều tính cộng thành ba đời, ba đời tức là cảnh sở quán; Kế theo nay quán ở sau tức quán năng quán, cũng lại y theo lược thứ lớp nên trước quán không, sau kết thành ba đế tướng ba đời gọi là dọc; kế nếu nói ở sau trong quá khứ hiện tại, do thời gian đối nhau là ngang, đó gọi là tế chủ, chủ là ngã, trong mỗi đời đều suy ra bốn câu, lại gọi là ngang, ba đời ở sau kết thành quán không mà nói giả quán ở sau, cho nên Trung quán ở sau; kế là trong thông bát có bốn câu, nghiệp tức hữu lậu, phi nghiệp tức vô lậu, vừa nghiệp vừa phi nghiệp tức xuất giả. Trước đã nhập không, gọi là phi nghiệp, lại tên xuất giả cũng là Nghiệp. Song phi tức là Trung đạo nghiệp phi lậu phi vô lậu trong mỗi câu góp nhặt năng sở đủ như âm cảnh; kế trong đạo phẩm từ thành luận đến thân niệm xứ là niệm xứ. Ý nghiệp khởi riêng là tâm niệm xứ, ý được thật pháp, gọi là thọ niệm xứ, tướng được giả gọi là tướng ấm, hành thì đồng duyên là hành ấm, tướng hành hai ấm cộng thành pháp niệm, và thân miệng nghiệp gọi là thân niệm xứ, chúng thành Bốn niệm xứ, y kinh bộ tông thứ lớp mà khởi, được thực hành thuyết này, như văn trong Tỳ-đàm, ở đây lại lược thuật ba tạng, niệm xứ từ nay quán bỏ chánh nói Bốn niệm xứ vô tác. Nói đồng thứ, tuy mười cõi khác nhau, nhưng đồng gọi là năm ấm, nên gọi là đồng thứ, còn bao nhiêu như trong ấm cảnh có nói.

Kế nói trong trợ đạo, niệm Phật trị chướng, chướng tức là nghiệp, nên dùng niệm Phật để làm đối trị niệm ba mươi hai tướng và công đức báo Phật, nghiệp ác thô trọng phải thêm sắc tướng, cho nên phải niệm ba mươi hai tướng của Phật, lại niệm công đức sở hữu báo Phật, mới thành trị được, nếu chỉ nhân thiện tập tâm khởi, thì chỉ niệm pháp môn Phật, dùng làm đối trị, nếu quả tướng thiện báo hiện, báo là sắc pháp, cho nên chỉ niệm sắc tướng ứng Phật làm đối trị, nếu quả tướng ác báo hiện khiến niệm pháp môn Phật, y theo nêu bày tập nhân nghiệp ác, đã niệm ba mươi hai tướng cho đến báo Phật vô lượng công đức, nay chỉ khiến niệm pháp môn Phật, văn từ cao siêu mà nói, nêu lý bốn duyên không thể trị ác. Nói nghiệp ác chướng chuyển là nói chung thiện ác đều là chướng, sáu tệ nghiệp nặng nhất là năng chướng, nên nói theo

ác.

Kế nói cảnh ma, nói việc ma, là thiên ma chánh do thuận theo sinh tử tham năm dục, lui sụt Bồ-đề, ganh ghét quyến thuộc là sự.

Hành: Là hành nghiệp ma, nay trái nhân đời trước việc đời trước lại ngăn, nên nói việc ma, trong Đại luận ma do phá pháp thiện của người thành sự đủ như trong phẩm Việc ma có nói: Ban đầu trong ý có đủ phá bốn tất, nói tu bốn món Tam-muội, lập lại trước tu chung ấm nhập, từ ác đến dục bỏ hết, lập lại nghiệp cảnh ở trước. Trước quán nghiệp cảnh là không thể nghĩ bàn, việc ác đem bỏ lý thiện sẽ sinh, ma sợ xuất cảnh làm tổn hoại việc, cho nên phải quán cảnh việc ma nên có cảnh này kế đó có nghiệp cảnh.

Nói xuất cảnh là ý phá thế giới lại phải bỏ, e sinh lý thiện phá ý của người, lại ý suy nghĩ bỏ phá đối trị, được thần thông rộng lớn, được trí tuệ quán rộng lớn.

Chỉ quán ấy có thể hoại ngã, cho nên nay ta phải dự phá, vội vàng đến.

Nói hoại gốc lành, phạm ma chỉ có ganh ghét thiện Bồ-đề mà không ganh ghét hữu lậu, hữu lậu đồng với ma nên ma không ganh ghét. Nói đương cõi, cận cõi Dục thành cõi xa là phi tưởng thành cõi. Nếu biết chúng sinh không ngoài sinh tử, không kính mến Phật thừa, ma đối với người cũng nghĩ là thân.

Mậu: Trong sách Nhĩ Nhã nói là ngăn trở, giữ để dứt giặc chỗ cố từ người cầm binh, nên Phật đối với ma như kẻ thù. Trong kinh nói khứ, nghe phẩm Ma sự trong Đại phẩm, có người nói là tội, vì ma có sự nhận sự có tội, nên gọi là tội ma, lại chỉ thuận theo sinh tử đều gọi là ma tội, trong Đại Phẩm nói: Giáo Bồ-tát là Lục Ba-la-mật đều gọi là việc ma, lại có ác tri thức cũng gọi là việc ma.

Lại tội ma: Đại Bồ-tát không nói chúng sinh lời này, ma làm tượng Phật, Bồ-tát tượng tăng đến dạy rằng: Dụng là Lục Ba-la-mật. Có chỗ nói: Ông không có chân thật Bồ-đề, chẳng phải hạnh không lui sụt, cũng không được Bồ-đề, có chỗ nói: Giữa hư không không có tất cả pháp dụng Bồ-đề này, hoặc nói: Giữa hư không cũng không có dụng Ba thừa là Bồ-đề, không gọi Bồ-tát mà đều gọi là việc ma ma tội. Trong kinh Đại phẩm quyển tám mươi nói: Có việc ma vi tế, chưa được Bạt trí mà cuồng nói đã được, theo văn nay tức là ma-la có thể làm các việc như trên, cho nên phải lược biết các việc như vậy, nếu không vì người khác khéo phân biệt, gọi là ác tri thức, đều gọi là tội ma, nếu thông suốt ở sau lược chỉ bày cảnh quán phá tướng ác, ác nếu đã phá hoại hoại bảo

như vậy, biết côi ma như ở sau ý nghĩa đệ nhất, ma và Phật lý là một nên gọi là như.

Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Khi Phật nói kinh này thì thọ ký trong chúng có hai trăm ma nữ, đã từng ở chỗ năm trăm Đức Phật trồng sâu gốc lành, trải qua bảy trăm A-tăng-kỳ kiếp, sẽ được thành Phật đồng hiện là Tịnh Vương, ma nghe các nữ được thọ ký thành Phật, đến bạch Phật rằng: Nay ta đối với quyền thuộc của mình không được tự tại, lúc bấy giờ ma nữ thị hiện tướng yếu đuối mà giảng nói diệu lý, lại nói lời ma: Ông chớ sầu não chúng tôi ngày nay, không ra ngoài côi ông, vì sao? Vì côi ma như côi Phật như, không hai không khác, chúng ta không lìa côi ma như vậy, vì côi ma tức côi Phật, côi ma không có pháp nhất định để chỉ bày, côi Phật cũng không có pháp nhất định để chỉ bày, tất cả các pháp đều không có tánh nhất định, vì không có tánh nhất định nên không có quyền thuộc và phi quyền thuộc.

Kế giải thích riêng chặng giữa ban đầu nói khác là cùng bốn cảnh trước đối diện tướng khác, trong văn nghiệp cảnh sơ lược không đối nói, song bỏ bốn đảo, cùng bốn đảo nói khác, và nói bốn đảo chỉ là ma phiền não, như trong cảnh phiền não trước đã dẫn ra mười quân, trong mười quân này đầy đủ bốn đảo. Nên nói bốn ma tuy chỉ phiền não, do phiền não nên sinh ba ma sau, nếu mười quân trước là ma gây ra lại thuộc cảnh nay, nếu ngoại giới ở sau y theo giới mà nói về khác, y theo văn thứ hai mươi đã dùng bốn món vô thường, là bốn ma ngoại giới, này chính là thông suốt đặt tên ma, chẳng phải nay là cảnh ma, nếu lại do Niết-bàn mà nêu bày văn này, giới nội phiền não cũng là bốn đảo đối với các ấm thân chếtên tử đồng với ba, hợp thành bảy ma, y theo nêu bày giới ngoại cùng thành bảy trong ngoài, hợp thành mười bốn ma, nên phải phân biệt trong ngoài ấm thân chếtên tử ba ma. Nay nói khác nhưng không được dùng tên bốn món vô thường để đối trị ấm, v.v..., nếu trong các luận, là giới nội gọi là thường, v.v... bốn món, giới ngoại gọi là bốn món vô thường. Bốn ma này tên thể đều khác, Thiên tử ba món nội, ngoại, ấm tử, thể khác tên đồng, cho nên phải nói đồng và khác.

Trong Đại luận quyển sáu hỏi, chỗ nào nói ấm là ma?

Đáp: Phật ở núi Mạt-câu-la dạy La-đà rằng: Sắc là ma cho đến thức là ma, đây là lại nói theo giới nội, nói cho đến Đẳng giác ba ma đã qua, đây là trong kinh Anh Lạc dạy nói, nếu từ thật mà nói lỗi thì đều lỗi, nói không có thiên ma thứ sáu, đã đến Đẳng giác ba ma đã qua, duy còn có một phần tử ma, này vẫn từ giáo, nên Đẳng giác về trước bốn ma đầy đủ.

Hỏi: Lúc bấy giờ chỉ nên có phiến não ấm và biến dịch sinh tử, làm sao có ma Thiên tử được? Nên văn giải thích rằng: Thật không có sáu cõi trời, ma Thiên tử chỉ là mầu đỏ Tam-muội chưa cùng tội, ở trong nghĩa lập Thiên tử ma, cho nên gọi là đầy đủ bốn ma, nên biết phạm giới nội gọi là chung đến giới ngoại, đều là nghĩa lập thể không được đồng, nên mầu đỏ Tam-muội quán ở cõi trời Tha hóa tự tại, phá ba hoặc cõi trời ấy chưa hết, cho nên gọi chung là ma Thiên tử, trong Đại kinh mười ba có nêu đủ tên hai mươi lăm Tam-muội, văn thứ tư giải thích chân thật.

Kế dẫn văn kinh để nói đồng khác, trong tân kinh quyển năm mươi tám, phẩm Ly Thế Gian nói: Đại Bồ-tát có mười thứ ma:

- 1- Ma Ấm, sinh các thủ
- 2- Ma Phiến não, vì sinh tạp nhiễm
- 3- Ma Nghiệp, vì chướng ngại
- 4- Ma Tâm, vì khởi cao mạn.
- 5- Ma chết, vì bỏ chỗ sinh.
- 6- Ma trời, vì tự kiêu mạn, buông lung.
- 7- Ma gốc lành, vì hàng chấp thủ.
- 8- Ma Tam-muội, vì đắm vị lâu dài.
- 9- Ma Thiện tri thức, vì tâm khởi chấp.
- 10- Ma Bồ-đề pháp trí, vì thường không xả.

Nếu dùng mười pháp này để nói văn nay có hai ý thông biệt, đó nói là Thông.

Mười ma trong mỗi giới trong ngoài, nghĩa là giới nội ấm và giới ngoại ấm, cho đến Nhị thừa Bồ-đề pháp trí, Bồ-tát Biệt giáo, Bồ-đề pháp trí, hoặc trong Biệt luận, sáu pháp chỉ có giới nội còn chung giới ngoại, trong sáu pháp giới nội ban đầu một năm sáu, giới nội ba ma, thứ hai ba bốn, hợp thành giới nội phiến não ma. Còn bốn thông như trước đã giải thích, cho nên cùng bốn tên giới nội, đồng thì từ biệt mà giải thích, hoặc tên khác, tức từ thông giải thích, nghĩa biệt lại thông, cho nên như trước giải thích tùy có Thông Biệt vẫn không ngoài bốn pháp, còn bốn nhiếp ở trong ma phiến não, này thì trong ngoài đều là mười bốn cũng như văn trước, chung bảy đều có bốn, kinh ấy lại có mười thứ ma nghiệp mười pháp lìa ma, đủ như trong kinh ấy không thể dẫn ra. Lại trong Đại Phẩm văn mười ba Ma sư đều là thứ sáu ma Thiên tử, trong Đại luận sáu mươi bảy, sáu mươi tám tướng Ma rất rộng đâu chỉ hiện trong Tam-muội, cho đến trong tất cả sự nghiệp não loạn hành giả, hoặc ma hoặc dân ma vì nhân duyên ác, vào trong thân người nhiều

loạn tâm người, hoặc khiến người viết mỗi mệ, cõi nước sự khởi, hoặc thủ giả không được cúng dường, hoặc đọc tụng thầy trò không hóa, hoặc trong đại chúng nói có người đến nói lỗi lầm Pháp sư, nói Pháp sư không thể như lời nói mà thực hành, làm sao đáng tin thọ, hoặc nói tuy trì giới, mà lại độn căn không hiểu nghĩa sâu, nghe có lợi ích gì? Hoặc nói Đại thừa là pháp không diệt, chỗ không thể hành, hoặc khi làm tốt kính tin Sa-môn nói, Bát-nhã Ba-la-mật không, chẳng có tên tội phước, không có đạo lý, như ở sau trong phát tướng có nói khiến người đọa vào đường ác, tức là ý ấy, hoặc nói có thể chấp Niết-bàn, tức trong phát tướng khiến rơi vào hàng Nhị thừa.

Lại nói: Hoặc Pháp sư không nhận tín thì của đệ tử, hoặc thầy thích bố thí mà đệ tử không nhận. Trong luận giải thích rằng: Đệ tử nên cúng dường pháp ở sư, vì sao nói sư bố thí cho đệ tử, nhưng đệ tử khởi niệm này, Sư có chút vật còn không xả làm sao có thể xả thân? Tuy khen ngợi bố thí chính là lừa dối, gọi là không hòa hợp, cho nên sư phải bố thí đệ tử, đệ tử lại dùng bốn việc cúng dường Sư, sư ít muốn nên không chịu thọ, lại hổ thẹn nói, như pháp mua bán, cho nên không nhận, hoặc sư nhiều tri thức không thiếu, có thể nuôi dưỡng đệ tử, đệ tử tự nghĩ, người phải nói là tham y thực của sư, cho nên thọ pháp, hoặc nói đức mỏng, không hơn sư bố thí, chẳng tâm như vậy tuy tốt, không thành Bát-nhã Ba-la-mật, cũng là ma sư, này, v.v... tức trong tướng phát trước khiến cho người đọa thiện. Tuy chẳng phải nhân quán mà phát, hoặc cũng là tương quan với túc duyên, hoặc thực hành Tam-muội sư cùng đệ tử có các việc ngăn ngại Tam-muội trên nên chẳng thể không biết, này, v.v... đã vậy thì các hành nêu bày như vậy, nên lược ghi để chỉ bày người học sau.

Kế nói pháp tướng chặng giữa ban đầu nói về dân chủ, nên biết; kế khai mở giải thích văn chặng giữa ban đầu rất dễ thấy. “Thu sát”, Sở Từ nói: Tiếng trùng kêu tí tí, lại nói tiếng chim líu lo.

Sát là tiểu ngữ (nói nhỏ) mà tự tiếng ấy nên nói như vậy, thời kế gần gũi chặng giữa ban đầu nói về quyền thật, trong kinh Đại tập có mười hai loài thú, hoặc trong năm hành gọi là mười hai tiêu, “tiêu” là tự, mười hai thần này tự với tiêu. Trong kinh Đại Tập quyển hai mươi bốn nói giữa biển Phương Đông có núi Lưu ly, cao hai mươi do-tuần, trong đó có hổ, hổ, rồng. Giữa biển phương Nam có núi Pha-lê, cao hai mươi do-tuần, trong đó có rắn, ngựa, dê, giữa biển phương Tây có núi Bạch ngân, cao hai mươi do-tuần, trong đó có khỉ, gà, chó, giữa biển phương Bắc có núi Huỳnh kim, cao sáu do-tuần, giữa biển có heo,

chuột, trâu ở trong hàng (trong kinh đều có tên quật) thần cây Phương Đông, Hỏa thần phương Nam, Hỏa thần phương Tây, Thủy thần phương Bắc, mỗi phương đều có hai La-sát nữ và năm trăm quyến thuộc, tùy theo phương diện ấy đều tự cúng dường ba thần phương ấy, hang ấy là chỗ ở của Bồ-tát, mỗi thú đều nói tu từ Thịnh văn, ngày đêm thường đi trong cõi Diêm-phù-đề mọi người đều cung kính, đã từng ở chỗ Phật quá khứ phát nguyện, một loài thú thường đi khắp một ngày một đêm ở cõi Diêm-phù-đề, còn mười một loài thú ở yên tu từ, từ hủy báng ngày mừng một chuột làm đầu, ngày mừng hai trâu cho đến ngày thứ mười ba lại từ chuột đi, cho nên cõi này có nhiều thú nuôi, có khả năng đi giáo hóa, nên phương khác cung kính.

Trong kinh nói: Nếu bốn bộ đệ tử Phật này muốn được đại trí đại định đại thần thông, muốn thọ tất cả sách cổ sở hữu, tăng tấn pháp thiện, nên làm núi Bạch độ, vuông rộng bảy thước, cao một trượng hai thước, làm các thứ hương bunn kim bạc mỏng, bốn phía cao hai trượng, rải hoa Đảnh bạc, dùng đồ bằng đồng đựng các thứ nước phi thời, đặt ở bốn phía, trì giới thanh tịnh ba ngày tắm gội, kính tin ba bảo, cách núi ba trượng đứng tụng ở chánh Đông, chú nguyện như vậy, trải qua mười lăm ngày phải ở trên núi thấy tượng, tháng đầu liền biết đã thấy mười hai loài thú, thấy rồi có nguyện cầu tùy ý liền được, mười hai loài thú này có lúc làm các tượng quý chim, v.v..., đi khắp cõi Diêm-phù giáo hóa đồng thú, Bồ-tát chỉ làm các tượng trời người là chưa bị nạn bị thú thì khó, thú này đã nói, một ngày một đêm đi khắp cõi Diêm-phù-đề, nên biết tức là quyên hóa, nay vẫn sau nói tùy thời ấy đến nào hại người đi, chính là bọn chi lưu thực hành, hoặc tà tướng ở sau chính là nói phát tướng, nay muốn ở sau dùng thời gian suy nghiệm, chín thứ này thuộc về các thứ cây Phương Đông, như chín thú Phương Đông nhưng có ba loài là chánh, nên dùng ba thứ chánh mà đối trị Mạnh Trọng Lý.

Nói trước sau: Mạnh là đầu, chánh thú thì ở sau giữa của ba loài, trọng là trung, chánh thú thì ở giữa ba thu, quý là cuối, chánh thú thì ở đầu trong ba loài, còn ba phương cũng giống như vậy, ở sau của đầu ở đầu của sau, nên nói truyền làm phần trước sau, còn pháp năm hành đều chỉ là mười hai, chỉ có sáu nhâm thử nêu bày chặng giữa có ba mươi sáu, y theo văn ấy có ba, chim chuột núp bay, nay vẫn nói mèo, vẫn sợ lắm còn các tên thú đều cùng cách thức đồng, chó soi là chân chó.

E ở thời gian không biết, nên lại khai thành một trăm lẻ tám, tùy thời phân ấy lại dùng mười hai thân, tùy theo thời ấy đến chỉ xưng tên mười hai loài thú, hoặc xưng ba mươi sáu tên, gần gũi ấy thì bỏ, nên biết

pháp quý sợ người biết tên, biết tên còn không dám đến, huống chi lại biết hình, nên biết hình tên ấy không dám làm quấy.

Kế là Ma-la phát, ban đầu nói ý phá và cách phá, gần gũi đều thuộc Ba-tuần xa, nay Ma-la đều thuộc Ba-tuần, hoặc Thiên Chủ tự đến rất là khó điều phục, hai thiện hai ác, bốn hoàng thế là thiện các hạnh là chưa thiện, kiến tư là đã ác vô minh là chưa ác, trong Đại luận nói ở sau dẫn chứng. Nói hoa tiền, v.v... trong Đại luận hỏi rằng: Thế nào gọi là Ma?

Đáp: Ma phá tuệ mạng hoại đạo pháp, cho nên gọi là ma, các bợn ngoại đạo nói là muốn chủ dẫn người sinh chấp, lại gọi là hoa, từ năm căn vào phá hoại năm căn, lại gọi là ngũ tiền, phá pháp thiện Phật pháp nên gọi là Ma-la.

Lại nữa, tạo nhân duyên kiết sử ở thế gian, cũng là lực Ma vương, bị oán thù với Chư Phật phá hoại tất cả bậc Thánh, ngược dòng việc người, không ưa pháp Niết-bàn. Lại nói là ma có ba thứ việc có thể phá hành nhân, cười giỡn nói năng, ca múa tà thân, v.v... là từ ái sinh, trói đánh tra khảo chẻ đâm, phá chặt, v.v... là từ sân sinh, năm thứ nóng đốt thân tự đoi gieo mình xuống sườn núi là từ si sinh, những thứ nầy tức là dòng ba giặc, cho đến tham nhiễm thế gian đều là việc ma. Lại nói hoặc làm các thứ thân hình khủng bố Bồ-tát, hoặc làm năm dục hấp dẫn não loạn Bồ-tát, hoặc chuyển tâm người thế gian, làm việc đại cúng dường, tham cúng dường nên mất đạo pháp, hoặc chuyển tâm người để não loạn hành giả, tùy theo nhân thú, trước đến nhân mà não loạn, luận văn rất rộng thủ trần ất là nơi được dịp làm hại của Ma-la, Ma-la được dịp làm hại bởi do thất niệm, thất từ căn nên nói ngũ căn đều một sát-na, nên luận Bà-sa thứ chín nói: Đức Phật đắp y ôm bát vào thành khát thực, ma Ba-tuần nghĩ, phải hoại đạo pháp, lại làm xa giá nhân thứ cầm roi tìm trâu, mặc áo xấu rách, đầu bạc rồi bù, đi đến chỗ Phật, hỏi Phật có thấy trâu tôi ở đâu không?

Đức Phật nghĩ ma nào loạn, liền bảo ma rằng: Ác ma đâu có trâu dùng làm trâu.

Thiên ma nghĩ Sa-môn biết ta là ma, liền bạch Phật rằng: Nhãn xúc nhập xứ là thừa của ta, cho đến ý xúc nhập xứ là thừa của ta, Sa-môn ở đâu?

Đức Phật nói: Ta đến chỗ không có sáu xúc, chỗ ông không đến, chỗ ta sẽ đến, ý của Ba-tuần cho ta như xa giá, sáu xúc như thừa, có thể chở thừa nầy chuyên chở các chúng sinh, đến ở ba cõi, cho nên Niết-bàn chẳng phải chỗ đến, nên Phật nói, ta đến không có sáu xúc, và chỗ

ông không đến nơi, tức là Niết-bàn, cho nên các văn trong Đại Phẩm Ma-la làm não loạn không ngoài sáu xúc cho nên trong văn nay ngoài quạt trong não loạn, không ngoài sáu xúc, Thiên ma Ba-tuần còn dùng sắc não loạn Phật làm người tu hành mê man, nay nói ý năm xúc tức bao gồm sáu, do từ năm căn chuyển nhập ý, tức có pháp xúc, nên nói cộng hoại, căn trần đối nhau nên có mười tám.

Lại nữa, ở sau giải thích rộng ngoài đến, ban đầu khiến đọa ác, kế khiến dứt thiện, nếu vốn là cao sĩ xuất thế thực hành được thuyết này, hoặc vốn là người tán thiện vốn là quyến thuộc của ma, chỗ nào nói về đọa, người như đây nếu bỏ pháp thiện lại thành việc ma.

Kế khiến cho đọa vào người Nhị thừa, ngôn hạnh phải là chỉ bày; kế khiến đọa vào không vô phương tiện, v.v... là ác không giả, trước quán không ở bốn câu duyên sinh, không rõ các pháp đều chẳng có tự tánh, chẳng hiểu tướng các pháp tánh không, tuy sinh không giải không tổn phiền não, gọi là vô phương tiện không, nếu không thực hành Bồ-đề, không có tâm đại bi, tuy nói hóa vật chỉ thêm sinh tử, như vậy gọi là thiên sự là giả, còn không bằng giả của Bồ-tát ba tạng, huống là các giáo ư? Nhẫn đến cũng có thể khiến người vào giả của Ba tạng, như làm A-nan cũng tợ Biệt giáo, nhưng chẳng phải từ không nên nói thiên, A-nan ở sau nêu sâu để so sánh cạn, này A-nan Đức Như lai khi sắp nhập Niết-bàn ở ngoài rừng Ta-la bị sáu muôn bốn ngàn ức ma não loạn.

Phật hỏi các đại chúng, A-nan nay ở đâu?

Đáp: nay ở ngoài rừng Ta-la mười hai do-tuần bị sáu muôn bốn ngàn ức ma não loạn, các ma đều tự thấy hình thành tượng Như lai, hoặc nói các pháp từ nhân duyên sinh, hoặc nói không từ nhân duyên mà sinh, hoặc nói từ duyên sinh, đều là vô thường, hoặc nói là thường, hoặc nói ấm nhập là thật, hoặc nói là hư giả, hoặc nói mười hai nhân duyên có bốn thứ, hoặc nói như huyễn hóa, hoặc nói do văn do tư, do tu, hoặc nói quán bất tịnh xuất nhập tức, Bốn niệm xứ, bốn thiện căn, ba không môn vô học, Sơ địa cho đến Thập trụ mười hai bộ kinh, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, hiện mười tám biến tám tướng thành đạo A-nan nghĩ rằng: Các tướng như vậy từ xưa chưa thấy, ai làm mà cho rằng chẳng phải Như lai làm? Muốn khởi muốn nói đều không từ ý, vì ma nhập cốt, lại tự nghĩ rằng: Đức Phật ngày nay nói khác nhau, ngày nay ta vì ai nói?

Này A-nan nay rất cực khổ, Đức Phật sai ngài Văn-thù dùng năng lực chú thuật phá hoại các ma, nhưng những điều các ma nói, duy không thể nói pháp môn viên đốn, do pháp viên đốn chẳng phải cảnh giới ấy, nói bao gồm phần nhiều là ma Đột-la quốc, nửa tháng nói pháp, đó gọi

là thí luận giới luận nói về sinh thiên, muốn làm bất tịnh xuất yếu bậc nhất, Ma Ba-tuần lại sinh sâu não, mà khởi niệm này, Ưu-ba-cúc-đa làm hội Đại tập, phải giải để ra khỏi cảnh giới của ta, nay ta phải đến hoại ý chúng, ở chỗ nói pháp, mưa hoa chân kim hoa anh lạc, v.v... hóa thành voi trắng bảy báu, hóa thành người nữ xinh đẹp đặc biệt, nêu hội quán sát không có nghe pháp, trong ba ngày giảng nói pháp sâu xa, không có một người đắc đạo quả, Ma vương rất vui mừng, Cúc-đa liền nhập quán Tam-muội, ai đã gây ra, liền biết Ba-tuần Ma vương gây ra, lại dùng anh lạc đeo trên cổ Tôn giả, biết rồi lại nghĩ rằng: Ác ma ganh ghét xấu ác, có tâm não loạn chánh pháp, vì sao Đức Như lai không điều phục, liền quán tâm Phật biết Phật sai khiến rồi điều phục, liền dùng ba xác chết rắn, người và chó, hóa thành anh lạc, cảm ma sai đến nói rằng: Ông và ta tình cảm sâu dày, nay lại lấy vật này tặng ông, ma rất vui mừng đưa cổ nhận, đến trên cổ lại thấy thầy chết trùng giòi sắp bò ra, ma thấy việc này rồi rất sinh nhàm ghét, bảo Cúc-đa rằng: nay ông vì sao lấy thầy chết này mà cột cổ ta

Đáp rằng: Tỳ-kheo không nên dùng tràng hoa để trang nghiêm, ông trước vì sao đeo cho ta, nay được ông đeo chánh được phải lúc, ma dùng thần lực muốn chỉ bày mà không được, thầy chết này ở cổ như núi Tu-di không thể động chuyển, thậm vọt lên hư không thỉnh cầu các vị trời vì họ bỏ thầy chết này, các vị trời đều nói: Đây là việc làm của Đại Thánh, ta chẳng thể ung dung mở được, đến chỗ Phạm vương xin cởi bỏ. Phạm vương nói: Đệ tử Mười lực đã làm ta không thể cởi bỏ được, dù cho kiếp gió, dù cho bị gió mạnh sương mù thổi, cũng không thể động, như nhân đất đổ lại từ đất đứng dậy. Nếu quy y Ưu-ba-cúc-đa, thì sẽ mở được, ma thọ giáo Phạm vương đến chỗ Cúc-đa, rất sinh kính trọng năm vóc gieo sát đất bạch rằng:

Thưa Đại đức: Đức Phật mới thành đạo ta dẫn đến quyến thuộc của quan mà bức não, không hề một lời mà thấy khinh nhục, ông A-la-hán thấu lực từ bi ở trước trời người thấy lắng nhục ta.

Cúc-đa nói: Ông đại ngu si không có trí tuệ, so sánh người Thịnh văn với Đức Như lai, muốn so sánh hạt cải với núi Tu-di, ánh sáng đuốc, đom đóm đồng với ánh sáng mặt trời, mặt trăng, nay ta yếu kém nên hủy nhục ông. Lại Đức Như lai sai ta điều phục ông, ông vì do đây mà có tâm lành sinh không rơi vào đường ác, ma nghe vui mừng sinh tâm ít có, nay hãy cởi bỏ ba thầy chết này dùm ta.

Tôn giả đáp rằng: Ông không làm nào hại chánh pháp, thì ta sẽ cởi bỏ thầy chết cho ông, ma nói thọ giáo cho đến vì hiện các tướng

Đức Như lai, sao khởi tự tha mười sáu tiền, một có ba ba trăm năm mươi lăm, chuyển vào ý địa lại có ba tiền, nên thành mười tám, ma tự làm não loạn gọi là tự, quạt động đàn việt gọi là tha, tự tha đều có một trăm mười tám tiền, nên có ba mươi sáu, nếu biết ở sau chánh y cứ lược lý điều, trái với thật tế nên thấy qua khác Phật. Nếu vào thật tế ma Phật không hai, ma không trái Phật cũng không thuận Phật. Trong Đại kinh ở sau dẫn chứng. Tiểu thừa dứt hoặc, nên nói điều ma như Cúc-đa, v.v... thể pháp Đại thừa ma là pháp giới, như trong kinh Lăng-nghiêm nói Tam-muội, ma muốn não loạn tự thấy bị trời buộc, không có người điều phục. Lại người Tiểu thừa đã có thể phá, chỉ gọi là phục, người Đại thừa, không có ma để điều, gọi là đoạn.

Kế nói trong phòng loạn, đôi không, v.v... mười pháp phân biệt hai mươi tà pháp; văn nói chánh pháp đều gọi là thái quá, thật ra nếu quá không bằng mỗi pháp có mười, đến trong cảnh thiền phải nói luận.

Kế kết trong số nói ba trăm tà pháp, lại y cứ tà thì từ ngoài đến, nên nói ba trăm tà pháp, lại y theo tà từ thì ngoài đến, nên nói ba trăm, nếu bao gồm độ nhập ý địa thì ba trăm sáu mươi, nên trong văn nói; mà sơ nhập ấy phải nương năm căn, nên lại từ nhân để nói ba trăm.

Trong Trị Đồi Địch nói: Là trộm năm tăng pháp, ý tránh tăng sai, mong lợi tham ăn nên có tên này. Lạp là săn bắn, trong tháng này săn bắt cầm thú để cúng tổ, từ sự mà lạp nên gọi là lạp, có chỗ nói lạp là tiếp. Trong Sử Ký nói: Đời Thỉ Hoàng gọi lạp hạ là da bình, nhà Ân nói Thanh Tự, nhà Châu nói đại thố, từ đời Hán về sau là lạp cho đến nay, kết chi là tên quỷ, quỷ này vốn do phá giới, nên nghe bài tựa giới cũng sinh tâm hổ thẹn, hướng chi là giới thần ủng hộ khiến quỷ phá giới đi, cũng như trước đã dẫn năm giới duyên khởi, thì tất cả quỷ thần đều sợ giới pháp, ở đời có lời tương truyền rằng: Thỉnh tăng cầu tai nạn, tăng tụng bài tựa giới bị giới thần đuổi ra ngoài chỗ vắng lặng, tức là việc ấy. Trong trị Ma-la, nói tất cả vật chẳng thọ không, không sờ đấc, đủ như trong đầu quyển bốn có dẫn, thêm quyển một trăm hai mươi bảy nói, ma có năm lực gọi là năm trần, một lực đệ tử Phật và Thánh có thể chống cự, cho rằng không buông lung.

Trong Đại luận hỏi: Bồ-tát Tân học đạo lực còn kém, làm sao sai khiến được ma không có dịp làm hại?

Đáp: Các Bồ-tát hộ, lại nói người này khéo tu không nên ma chẳng bằng, như thân không có ghe độc không được vào, cho nên tu không ma chẳng được dịp làm hại.

Kế nói tu quán, ban đầu ba ác, v.v... trong Đại kinh nói có bốn

việc thiện đọa vào ba đường ác:

- 1- Vì hôn người nên tụng kinh điển.
- 2- Vì lợi dưỡng nên gửi giới cấm.
- 3- Vì quyến thuộc người khác nên thực hành bố thí
- 4- Vì Phi tướng nên buộc niệm tư duy.

Nói tha thuộc là bố thí vật vốn là nhiếp tha từ mình, nay dùng tha thuộc làm ba việc lành, lại y cứ bên thí từ sự mà nói, hoặc từ tâm mà nói thì thuộc ba ác, tuy sinh thiện đạo đời đời tương nhiễm, v.v... Ý khiến thuộc người khác mà trái lại thuộc về ma, cho nên đời đời bị ma nhiễu loạn. Trong kinh nói: Ở sau trong văn Đại phẩm, trong Đại luận quyển tám mươi một nói. A-nan hỏi Phật, ma vì nhiễu loạn tất cả Bồ-tát, cũng có không nhiễu loạn ư?

Đức Phật hỏi: Có khi nhiễu loạn hay không. A-nan bạch Phật: Vì sao bị nhiễu loạn?

Đức Phật nói: Hoặc có Bồ-tát đời trước nghe Bát-nhã không thể tin hiểu, xa thiện thiện tri thức gần gũi bạn ác, lia Bát-nhã, làm các việc ác, nghe Bát-nhã sâu xa nói với người rằng: Ta cũng không được nguồn gốc ấy ông cần gì học.

Lại khinh các Bồ-tát rằng: Ta hành Bát-nhã ông không có hạnh này. Lại có Bồ-tát y dòng họ khinh khi người khác, ma vui trời vẻ nói: Cung điện của ta không luống uổng lợi ích trong ba đường ác. Lại có Bồ-tát tranh cãi với Đức Thích-ca.

Ma nói: Uế Tát-bà-nhã, hoặc cúng cầu Tát-bà-nhã tranh cãi.

Ma nói: Hai Tát-bà-nhã nếu không có việc này thật rất thanh tịnh thì không có ma nào loạn, tuy ở đường lành có quan hệ với ma, Bồ-tát bị ma nào loạn như vậy nói suy lường Thông giáo đến Biệt giáo, như vì A-nan nói các pháp.

Kế trong cảnh không thể nghĩ bàn nói một ma tất cả Phật, là ma đã tức lý nên một ma tức tất cả Phật, như đây ở sau nói công năng diệu quán.

Nói trị ma hiển lý, hàng ma là đạo tràng, tức là trị ma cảm hiển bày lý đạo, ma làm thị giả, hề làm thị giả thì thuận theo ý người, nên quán cõi ma thuận theo thật tướng, duyên tu không thể tịch chiếu, v.v..., tức trong Tịnh Danh Bồ-tát Trì Thế trụ ở tịnh thất, Thiên ma Ba-tuần đem theo một muôn hai ngàn thiên nữ hình dáng giống như Đế-thích, trống nhạc đờn ca, đến chỗ Trì Thế, Trì Thế cho là Thích-đề-hoàn-nhân mà an ủi nói rằng: Lành thay! Kiền-thi-ca, kế lại trách rằng: Tuy phước có không nên tự buông lung, phải quán năm dục vô thường để cầu gốc

lành.

Ma nói: Nhận một muôn hai ngàn thiên nữ này đủ để quét dọn, ý nghe pháp dụng nêu bày cúng dường do đây làm não hoại tâm Bồ-tát, Trì Thế chưa hiểu nên chỉ đáp rằng: Không dùng vật phi pháp này mời Sa-môn Thích Tử ta, v.v... Lúc bấy giờ ngài Duy-ma-cật vì điều phục quyến thuộc ma, quở trách Trì Thế rằng: Đây là người đến chẳng phải Đế-thích. Lúc bấy giờ ngài Duy-ma-cật liền bảo ma rằng: Hãy cho ta người nữ này, thì ta sẽ thọ, ý Đại sĩ nói: Ta là dòng tục đáng được thọ, người xuất gia chẳng phải việc nên làm. Nay vẫn lại giải thích ý kinh.

Trì thế chỉ là Bồ-tát Biệt giáo, duyên tu xuất quán không biết ma nhiều loạn, ngài Tịnh Danh là Bồ-tát Viên Giáo chân tu tịch chiếu, quán vô xuất nhập, nên bác bỏ Trì Thế không thể tịch chiếu bị ma mưu hại, từ cõi ma tức cõi Phật bỏ phát tâm, từ cùng chúng sinh cõi Phật tức điều vui cõi Phật, cho nên nói từ vô lượng Phật, bị cứu vớt chúng cõi Phật, tức khổ cõi ma, nên nói bị vô lượng ma, từ ham muốn đầy đủ nguyện này bỏ an tâm. Trong văn nương việc nên y cứ việc Tất-đạt hàng ma để nói chỉ quán, nhưng do ở sau kết thành hành nhân dùng tướng an tâm.

Kế tùy ma ở sau phá khắp, ban đầu chung kết trải qua giáo, trải qua giáo trong ba tạng nhiếp phục bốn và ba kỳ trăm kiếp, khi ngỗ đạo tràng ba mươi bốn tâm phá ma phiền não, lúc bấy giờ gọi là đạo Bồ-đề, sau khi nhập Vô dư, gọi là thân pháp tánh, do Bồ-đề đầy đủ nên thành quả Phật, do vì thành Phật, nên nhập Vô dư, nhập vô dư nên phá ấm ma, do phá phiền não và được thân pháp tánh, không hề có phân đoạn, cho nên hai pháp này đều phá ma chết, nên ba tạng Phật, tuy hàng phục ma trời, dứt ma phiền não, thân Hữu dư còn, vẫn chữa khỏi ấm, tám mươi tuổi nhập diệt vẫn chưa khỏi chết nên được Bồ-đề, đến khi nhập diệt rồi đến thân pháp tánh mới khỏi hai ma ấm tử, trong văn tồn lược chỉ nói tử, được Tam-muội Bất động, đủ như trong kinh Đại Tập nói: Thiên chủ ban đầu sai các quân, kế sai Thái tử; kế sai ba phi, đều không thể hoại, sau tự lãnh quân bị Phật hàng phục, đại quân lui bại vua điên đảo rút mào kiếm cả ba đều ở một chỗ, này đều là văn quyển sáu của Đại luận. Nay văn nghĩa thông đến sau ba giáo, Thông giáo kiếm vị đồng phục ba tạng, đến khi sáu địa đắc đạo Bồ-đề, đồng với ba tạng dứt, hai giáo Thịnh văn, không phá Thiên tử ma nên ban đầu bị não loạn, tu đắc thần thông, tuy là điều phục cũng không gọi là Đoạn, theo giáo thì hoàn toàn chưa biết ở Tam-muội xích sắc. Biệt giáo nương giáo đạo nên trước sau đều đoạn, này thời ba giáo trước đều thuộc về giáo đạo. Nếu không như vậy, đâu có dứt thông hoặc, phục lợi hoặc mà phá ma được.

Viên giáo đều phá, không có trước sau, nên y theo sáu tức để nói cạn sâu, Sơ trụ đều phá tám ma. Trong Đại luận quyển hai mươi nói: Nếu muốn tu tập định Thủ-lăng-nghiêm thì phải phá tám ma, phải nên gần gũi Đại Bát Niết-bàn, nghĩa là ấm, v.v... bốn thứ và bốn món vô thường, nghĩa chung trong ngoài như trước đã nói, từ trên mỗi ở sau thông bát, đạo phẩm như văn, từ cửa nếu chưa mở ở sau trợ đạo, sáu món này đối với ma thành độ, đối với hành nhân thành tệ vì sinh tử nên trở thành ma độ, trái đạo Bồ-đề, cho nên thành tệ, nay dùng y lý mà bác bỏ sự độ, do sự này có sáu trị đối với ma có sáu, sáu tệ này tuy trợ sáu độ mà không nhận Bồ-đề đều thuộc về ma, bốn độ trước đốt cháy sinh tử, đã được thiền định thông Bát-nhã với quỷ, đã thông Bát-nhã mà không lia kiến chấp.

Nói chánh độ: Là bốn giáo sáu độ đều gọi là chánh, đủ như trong pháp trợ đạo nói.

Gồm trị, vì trong ma gồm có hai nên phải mượn dùng, nếu xen lẫn phiền não và nghiệp như trong hai cảnh trước dùng trị, tạp nghiệp mượn niệm hai Phật, đó là sắc thân pháp môn thân, trong tạp có ác phải dùng niệm sắc, trong tạp có thiện phải niệm pháp môn.

Văn tuệ: Bốn giáo đều ở ngoài phạm, nên nay Viên giáo ở năm phẩm “truất” là thối”biếm” là bỏ, sau mười pháp này cũng nên dùng xe lớn làm dụ cho, văn không có lược, mà chỉ nói thẳng đến đạo tràng. Kế lại dùng chung một ý làm quán, kết quán chung riêng, mười thừa quán pháp có chung riêng hai ý.

1. Do ấm cảnh đầu tiên của pháp sau có chín cảnh, gọi là Thông, chỉ là một pháp quán không thể nghĩ bàn người căn độn nên khai đối với mười pháp, trước nói ý liễu chung mỗi tiết nhập biệt mỗi quán đều vậy, quán pháp dễ rõ, nên dẫn Trung luận chung riêng làm ví dụ.

Kế trong phân biệt hỏi như văn, trong lời đáp ở trước trái hỏi đáp, nên nói duyên biệt.

Kế dẫn văn luận để chứng minh thì thuận hỏi đáp, tuy thuận hỏi đáp nhưng đây thành bất định, nên khác nhau với lạnh đi xuân đến, nếu ma đi rồi thì pháp lành sẽ đến, không hẳn đều như vậy, cho nên khác nhau. Trong Đại luận nói: Ưa pháp Phạm Chí trong mười hai năm đi khắp Diêm-phù-đề, cầu biết pháp Thánh, mà không thể được, lúc bấy giờ đời không có Phật Phật cũng hết, có Bà-la-môn nói: Ta có một bài kệ pháp Thánh, nếu thật ưa thích sẽ đem cho ông.

Đáp rằng: Thật ưa thích.

Bà-la-môn nói: Nếu thật ưa pháp, phải dùng da làm giấy, dùng

xương làm bút, dùng tủy làm nước, dùng máu làm mực, liền như lời nói ấy viết được bài kệ Phật, bài kệ rằng:

*“Như pháp nên tu
Phi pháp không nên tu hành Đời nay hoặc đời
sau, Người hành pháp an tuệ”.*

Lại có thuyết nói: Ma đến dối ưa pháp khiến cho lột da, v.v... ý muốn lui sụt tâm ưa pháp, tâm ưa pháp chắc chắn liền lại lột da, v.v... ma lại ẩn đi, cảm động rồi Phật vì họ nói kệ, sau giải thích hợp với văn, hơi khác với luận.